BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13../2009/TT- BTC	*Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2009*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện giảm thuế giá trị gia tăng đối với một số hàng hóa, dịch vụ doanh nghiệp kinh doanh gặp khó khăn

Căn cứ Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2008/QH12 của Quốc hội khoá 12 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 16/2009/QĐ-TTg ngày 21/01/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số giải pháp về thuế nhằm thực hiện chủ trương kích cầu đầu tư và tiêu dùng, ngăn chặn suy giảm kinh tế, tháo gỡ khó khăn đối với doanh nghiệp;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện giảm thuế GTGT như sau:

Điều 1. Giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT đối với một số hàng hoá, dịch vụ thuộc nhóm áp dụng thuế suất 10% quy định tại điểm 3 mục II phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 sau đây:

1. Than đá, than cám, than cốc, than bùn và than đóng cục, đóng bánh;

2. Hoá chất cơ bản gồm các loại hoá chất ghi trong Danh mục hoá chất (Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Sản phẩm cơ khí là tư liệu sản xuất (trừ sản phẩm cơ khí tiêu dùng) bao gồm:

a) Các loại máy móc, thiết bị như: máy nổ, máy phay, máy tiện, máy bào, máy cán kéo, đột, dập; các loại thiết bị đồng bộ, thiết bị rời, thiết bị đo điện, ổn áp trên 50 KVA, thiết bị đo nước, kết cấu dầm cầu, khung kho và sản phẩm kết cấu bằng kim loại; phương tiện vận tải; các loại phụ tùng, bán thành phẩm của các loại sản phẩm nói trên làm bằng kim loại.

b) Các sản phẩm là công cụ sản xuất nhỏ như: kìm, búa, cưa, đục, xẻng, cuốc, liềm hái, bộ đồ nghề là sản phẩm cơ khí, đinh.

www.LuatVietnam.vn

c) Lưới rào bằng thép từ B27 đến B41, dây thép gai, tấm lợp bằng kim loại, dây cáp chịu lực bằng kim loại, băng tải bằng kim loại.

d) Tủ đóng cắt, tủ bảo vệ, tủ điều khiển, tủ đo lường trung thế, cao thế; trạm biến thế, trạm ki-ốt trung thế, cao thế; cầu dao cách ly trung thế, cao thế; đầu cáp, đầu hộp nối cáp ngầm trung thế, cao thế; cầu chì (12KV, 24KV, 36KV từ 6A trở lên).

4. Ô tô các loại.

5. Linh kiện ô tô gồm động cơ, hộp số, bộ ly hợp và các bộ phận của các mặt hàng này.

6. Tàu, thuyền.

7. Khuôn đúc các loại bao gồm các loại khuôn dùng làm công cụ để sản xuất ra các sản phẩm hàng hoá.

8. Vật liệu nổ bao gồm thuốc nổ, dây cháy chậm, kíp nổ và các dạng được chế biến thành sản phẩm nổ chuyên dụng nhưng không thay đổi tính năng tác dụng của vật liệu nổ.

9. Đá mài.

10. Ván ép nhân tạo được sản xuất từ các nguyên liệu như tre, nứa, bột gỗ, dăm gỗ, sợi gỗ, mùn cưa, bã mía, trấu được ép thành tấm, không bao gồm sản phẩm gỗ dán và gỗ ép từ gỗ tự nhiên.

11. Sản phẩm bê tông công nghiệp, gồm dầm cầu bê tông, dầm và khung nhà bê tông, cọc bê tông, cột điện bê tông, ống cống tròn bê tông và hộp bê tông các loại, pa-nen và các loại cấu kiện bê tông cốt thép đúc sẵn phi tiêu chuẩn (trừ gạch bê tông), bê tông thương phẩm (vữa bê tông).

12. Lốp và bộ săm lốp cỡ từ 900 - 20 trở lên.

13. Ống thuỷ tinh trung tính (ống tuýp và ống được định hình như ống tiêm để đựng thuốc tiêm, ống nghiệm).

14. Sản phẩm luyện, cán, kéo kim loại đen, kim loại màu, kim loại quý, trừ vàng nhập khẩu.

Sản phẩm luyện cán, kéo, kim loại đen, kim loại màu, kim loại quý bao gồm những sản phẩm trực tiếp của công nghiệp luyện cán kéo ở dạng nguyên liệu hoặc sản phẩm, như: sản phẩm kim loại ở dạng thỏi, thanh, tấm, dây.

Những sản phẩm luyện cán kéo đã sản xuất chế biến thành các sản phẩm khác thì thuế suất được xác định theo mặt hàng.

15. Máy xử lý dữ liệu tự động và các bộ phận, phụ tùng của máy (bao gồm cả máy vi tính các loại và các bộ phận của máy vi tính, máy in chuyên dùng cho máy vi tính), trừ bộ phận lưu giữ điện.

16. Bốc xếp; nạo vét luồng, lạch, cảng sông, cảng biển; hoạt động trục vớt, cứu hộ.

17. Vận tải (không bao gồm vận tải quốc tế) gồm vận tải hàng hoá, hành lý, hành khách, vận tải du lịch bằng đường hàng không, đường bộ, đường sắt và đường thuỷ, trừ hoạt động môi giới, đại lý chỉ hưởng hoa hồng và không phân biệt cơ sở trực tiếp vận tải hay thuê lại.

www.LuatVietnam.vn

18. Kinh doanh khách sạn; dịch vụ du lịch theo hình thức lữ hành trọn gói.

19. In, trừ in tiền.

Điều 2. Lập hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ giảm thuế GTGT

Khi lập hoá đơn bán hàng hóa, dịch vụ thuộc diện giảm thuế suất thuế GTGT theo hướng dẫn tại Điều 1 Thông tư này, tại dòng thuế suất thuế GTGT ghi "10% x 50%"; tiền thuế GTGT; tổng số tiền người mua phải thanh toán.

Ví dụ:

Công ty A bán 60 bộ máy vi tính cho Công ty B theo hợp đồng ký kết giữa hai bên, giá bán chưa có thuế GTGT là 5.200.000 đồng/bộ. Máy vi tính thuộc đối tượng được giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT. Do đó khi lập hoá đơn GTGT giao cho Công ty B, Công ty A ghi như sau:

Tại cột "Hàng hóa, dịch vụ" ghi: "Máy vi tính"

Giá bán ghi: 5.200.000 (đồng) x 60 (cái) = 312.000.000 đồng

Thuế suất thuế GTGT: "10% x 50%"

Tiền thuế GTGT: 15.600.000 đồng

Tổng giá thanh toán: 327.600.000 đồng.

Căn cứ hóa đơn GTGT, Công ty A kê khai thuế GTGT đầu ra, Công ty B kê khai khấu trừ thuế GTGT theo số thuế đã giảm ghi trên hóa đơn là 15.600.000đ.

Điều 3. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ nêu tại Điều 1 Thông tư này từ ngày 01/02/2009 đến hết ngày 31/12/2009.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị, cơ sở kinh doanh phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để được giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:
- VP TW Đảng và các Ban của Đảng;
- VP QH, VP Chủ tịch nước;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- Viện kiểm sát NDTC; Toà án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- UBND, Sở TC các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục thuế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT; TCT (VT, CS).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

www.LuatVietnam.vn

BỘ TÀI CHÍNH

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC LOẠI HOÁ CHẤT CƠ BẢN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2009/TT-BTC ngày 22 /01/2009)

TÊN HOÁ CHẤT	*CÔNG THỨC HOÁ HỌC HAY KÝ HIỆU*
A - CÁC HOÁ CHẤT CÔNG NGHIỆP	
I - Các loại axit	
1 - Axit clohydric	HCl
2 - Axit nitric	HNO_3
3- Axit flosilicic	H_2SiF_6
4- Axit flohydric	HF
5- Axit phot phoric	H_3PO_4
6- Axit sulfuric và oleum	H_2SO_4 và $H_2SO_4nSO_3$
II - Các loại Oxit	
7 - Crom oxit & anhydride cromic	Cr_2O_3 & CrO_3
8 - Chì oxit	PbO_2
9 - Đồng oxit I và II	Cu_2O & CuO
10 - Kẽm oxit	ZnO
11 - Magie oxit	MgO
12 - Nhôm oxit	Al_2O_3
13 - Niken oxit	NiO
14 - Sắt III oxit	Fe_2O_3
15 - Titan dioxit và Imenit làm giầu	TiO_2 và $TiO_2.FeO$
16 - Mangan dioxit	MnO_2
III - Các loại hydroxit	
17 - Amoni hydroxit (amon hydroxit) và amoniac lỏng	NH_4OH và NH_3
18 - Nhôm hydroxit	$Al(OH)_3$
19 - Xút	$NaOH$
IV - Các loại muối vô cơ	
20 - Amoni clorua (amon clorua)	NH_4Cl
21- Amoni bicacbonat (amon bicacbonat)	NH_4HCO_3
22 - Bari clorua	$BaCl_2$
23 - Bari cacbonat	$BaCO_3$
24 - Bạc nitrat	$AgNO_3$

www.LuatVietnam.vn

25 – Canxi cacbonat	$CaCO_3$
26 - Canxi clorua	$CaCl_2$
27 - Can xi carbua (đất đèn)	CaC_2
28 - Canxi hydro photphat	$CaHPO_4$
29 - Canxi phot phat	$Ca_3(PO_4)_2$
30 - Canxi florua	CaF_2
31 - Canxi metasilicat (CMS)	$CaSiO_3$
32 - Canxi hypoclorit (bột tẩy)	$Ca(OCl)_2 4H_2O$
33- Coban clorua ngậm 6 phân tử nước	$CoCl_2.6H_2O$
34 – Coban sunfat ngậm 7 phân tử nước	$CoSO_4.7H_2O$
35 - Chì cromat và kẽm dicromat	$PbCrO_4$; $ZnCr_2O_7$
36 - Chì nitrat	$Pb(NO_3)_2$
37 - Đồng clorua ngậm 2 phân tử nước	$CuCl_2.2H_2O$
38 - Đồng sunfat ngậm 5 phân tử nước	$CuSO_4.5H_2O$
39 - Kẽm clorua	$ZnCl_2$
40 - Kẽm sunfat ngậm 7 phân tử nước	$ZnSO_4.7H_2O$
41 - Kẽm cromat	$ZnCrO_4$
42 - Kali clorat	$KClO_3$
43 - Kali bicromat	$K_2Cr_2O_7$
44 - Kali nitrat	KNO_3
45 - Kali hydrophotphat	K_2HPO_4
46 - Kali photphat	K_3PO_4
47 - Magiê clorua ngậm 6 phân tử nước	$MgCl_2.6H_2O$
48 - Magiê cacbonat	$MgCO_3$
49 - Magiê sunfat ngậm 7 phân tử nước	$MgSO_4.7H_2O$
50 - Natri cacbonat (soda)	Na_2CO_3
51- Natri hydrocacbonat	$NaHCO_3$
52 - Natri sunfat	Na_2SO_4
53 - Natri sunfit	Na_2SO_3
54 - Natri hydrosunfit	$NaHSO_3$
55 - Natri thiosunfat ngậm 5 phân tử nước	$Na_2S_2O_3.5H_2O$
56 - Natri bicromat	$Na_2Cr_2O_7$
57- Natri bicromat ngậm 2 phân tử nước	$Na_2Cr_2O_7.2H_2O$
58 - Natri hypoclorit (nước javen)	$NaOCl$
59 - Natri florua	NaF
60 - Natri flosilicat	Na_2SiF_6
61 - Natri hydrophotphat	Na_2HPO_4
62 - Natri photphat	Na_3PO_4
63 - Natri tripolyphotphat	$Na_5P_3O_{10}$
64 - Natri silicat dạng cục và dạng keo	$Na_2O_n.SiO_2$
65 – Natri sunfur	Na_2S
66 - Natri borat	Na_3BO_3
67 - Natri nhôm clorua và natri nhôm clorua ngậm 6 phân tử nước	Na_3AlCl_3 và $Na_3AlCl_3.6H_2O$
68 - Nhôm nitrat	$Al(NO_3)_3$
69 - Nhôm sunfat (phèn đơn)	$Al_2(SO_4)_3.18H_2O$

www.LuatVietnam.vn

70 - Nhôm kali sunfat (phèn kép)	$AlK(SO_4)_2.12H_2O$
71 - Sắt III clorua	$FeCl_3$
72 - Sắt sunfat ngậm 7 phân tử nước	$FeSO_4.7H_2O$
73 - Sắt amoni sunfat (sắt amon sunfat) hay phèn sắt amoni)	$FeNH_4(SO_4)_2.2H_2O$
74 - Xanh Berlin (Berlin blue)	$Fe_4[Fe(CN)_6]_3$
75 - Sunfua cacbon	CS_2
V- Khí kỹ nghệ và á kim	
76 - Clo lỏng và khí	Cl_2
77 - Cacbonic (rắn, lỏng và khí)	CO_2
78 - Nitơ lỏng và khí	N_2
79 - Oxy	O_2
80 - Lưu huỳnh	S
81 - Graphit đã làm giàu	C
82 - Phốt pho vàng và đỏ	P
VI - Một số sản phẩm hữu cơ:	
83 - Khí axetylen	C_2H_2
84 - Naphtalen	$C_{10}H_8$
85 - Benzen	C_6H_6
86 - Xylen	C_8H_{10}
87 - Etyl alcol	C_2H_5OH
88 - Glyxerin	$C_3H_5(OH)_3$
89 - Phenol	C_6H_5OH
90 - Terpineol	$C_{10}H_{17}OH$
91- Tecpinhydrat	$C_{10}H_{18}(OH)_2.H_2O$
92- Formalin	HCHO
93- Axit axetic	CH_3COOH
94- Axit humic	Hỗn hợp của các axit hữu cơ mạch vòng thơm
95- Axit stearic	$CH_3(CH_2)_{16}COOH$
96- Axit terephthalic	$C_6H_4(COOH)_2$
97- Axit salixylic	$C_6H_4(OH)(COOH)$
98- Monocloruabenzen	C_6H_5Cl
99- Bari stearat	$Ba(C_{17}H_{35}COO)_2$
100- Magiê stearat	$Mg(C_{17}H_{35}COO)_2$
B- HOÁ DƯỢC VÀ HOÁ CHẤT TINH KHIẾT	
I- Axit tinh khiết và tinh khiết phân tích	TK và TKP
101- Axit boric	H_3BO_3
102- Axit clohydric	HCl
103- Axit nitric	HNO_3

www.LuatVietnam.vn

104- Axit sunfuric	H_2SO_4
105- Axit photphoric	H_3PO_4
II- Oxit TK và TKP	
106- Canxi oxit	CaO
107- Đồng oxit I và II	Cu_2O và CuO
108- Kẽm oxit	ZnO
Các loại hydroxit TK và TKP	
109- Amoni hydroxit (amon hydroxit)	NH_4OH
110- Bari hydroxit ngậm 8 phân tử nước	$Ba(OH)_2.8H_2O$
111- Canxi hydroxit	$Ca(OH)_2$
112- Nhôm hydroxit	$Al(OH)_3$
Các loại muối hoá chất TK và TKP	
113- Amoni bicacbonat (Amon bicacbonat)	NH_4HCO_3
114- Amoni clorua (Amon clorua)	NH_4Cl
115- Amoni nitrat (Amon nitrat)	NH_4NO_3
116- Amoni hydrophotphat (Amon hydrophotphat)	$(NH)_2H_2PO_4$
117- Amoni dihydrophotphat (Amon dihydrophotphat)	$NH_4H_2PO_4$
118- Bari clorua ngậm 2 phân tử nước	$BaCl_2.2H_2O$
119- Bari nitrat	$Ba(NO_3)_2$
120- Bari sunfat ngậm 5 phân tử nước	$BaSO_4.5H_2O$
121- Bạc nitrat	$AgNO_3$
122- Canxi cacbonat	$CaCO_3$
123- Canxi clorua	$CaCl_2$
124- Canxi nitrat ngậm 4 phân tử nước	$Ca(NO_3)_2.4H_2O$
125- Đồng clorua ngậm 2 phân tử nước	$CuCl_2.2H_2O$
126- Đồng cacbonat; đồng hydroxit	$CuCO_3$; $Cu(OH)_2$
127- Đồng sunfat ngậm 5 phân tử nước	$CuSO_4.5H_2O$
128- Kali clorua	KCl
129- Kali bicromat	$K_2Cr_2O_7$
130- Kali hydrophotphat	K_2HPO_4
131- Kali nitrat	KNO_3
132- Kali permanganat	$KMnO_4$
133- Kali fericyanua	$K_3Fe(CN)_6$
134- Kali ferocyanua ngậm 3 phân tử nước	$K_4Fe(CN)_6.3H_2O$
135- Kali sunfat	K_2SO_4
136- Kẽm clorua	$ZnCl_2$
137- Kẽm sunfat ngậm 7 phân tử nước	$ZnSO_4.7H_2O$
138- Magiê clorua	$MgCl_2$
139- Magiê sunfat	$MgSO_4$
140- Magiê cacbonat	$MgCO_3$

www.LuatVietnam.vn

141- Natri borat ngậm 10 phân tử nước	$Na_2B_4O_7.10H_2O$
142- Natri hydrocacbonat	$NaHCO_3$
143- Natri cacbonat	Na_2CO_3
144- Natri clorua	NaCl
145- Natri kali cacbonat	$NaKCO_3$
146- Natri florua	NaF
147- Natri flosilicat	Na_2SiF_6
148- Natri hydrophotphat	Na_2HPO_4
149- Natri photphat	Na_3PO_4
150- Natri tripohyphotphat	$Na_5P_3O_{10}$
151- Natri bisunfit	$NaHSO_3$
152- Natri sunfit	Na_2SO_3
153- Natri thiosunfat	$Na_2S_2O_3$
154- Natri sunfat	Na_2SO_4
155- Nhôm clorua	$AlCl_3$
156- Nhôm sunfat ngậm 18 phân tử nước	$Al_2(SO_4)_3.18H_2O$
157- Nhôm kalisunfat ngậm 12 phân tử nước	$AlK(SO_4)_2.12H_2O$
158- Sắt II amoni sunfat ngậm 6 phân tử nước (Sắt II amon sunfat ngậm 6 phân tử nước)	$Fe(NH_4)_2(SO_4)_2.6H_2O$
159-Sắt III amoni sunfat ngậm 12 phân tử nước (Sắt III amon sunfat ngậm 12 phân tử nước)	$FeNH_4(SO_4)_2.12H_2O$
160- Sắt II clorua	$FeCl_2$
161- Sắt II sunfat	$FeSO_4$
Một số sản phẩm hữu cơ	
162- Axeton	$C_3H_6O_2$
163- Benzen	C_6H_6
164- Toluen	C_7H_8
165- Xylen	C_8H_{10}
166- Metanol	CH_3OH
167- Etanol	C_2H_5OH
168- Butanol	C_4H_9OH
169- Glixerin	$C_3H_8O_3$
170- Phenol	C_6H_5OH
171- Tecpyneol	$C_{10}H_{17}OH$
172- Tecpyhydrat	$C_{10}H_{18}(OH)_2.H_2O$
173- Formalin	HCHO
174- Axit axetic	CH_3COOH
175- Axit salixilic	$C_7H_6O_3$
176- Butyl axetat	$C_4H_9COOCH_3$
177- Tetra clorua cacbon	CCl_4
178- Axit oxalic ngậm 2 phân tử nước	$C_2H_2O_4.2H_2O$
179- Axit monocloroaxetic	$ClCH_2COOH$
180- Axit stearic	$C_{17}H_{35}COOH$
181- Amoni axetat (Amon axetat)	NH_4CH_3COO

www.LuatVietnam.vn

182- Amoni oxalat (Amon oxalat)	$(NH_4)_2C_2O_4.2H_2O$
183- Kali oxalat	$K_2C_2O_4.H_2O$
184- Natri axetat	$NaCH_3COO$
185- Natri oxalat	$Na_2C_2O_4$
186- Magie sterat	$Mg(C_{17}H_{35}COO)_2$
187- Dioctyl phthalate (DOP)	$C_{24}H_{38}O_4$
188- 2-Ethyl hexanol (2-EH)	$C_8H_{18}O$
189- Tetra isopropyl titanat (TPT)	$C_{12}H_{28}O_4Ti$
190- Amoni oxalat (Amon oxalat)	$(NH_4)HSO_3$
191- Antimoan trioxit	Sb_2O_3
192- Asen trioxit (Thạch tín)	As_2O_3
193- Axit orthoboric	H_3BO_3
194- Bari sunfat	$BaSO_4$
195- Cadimi sunfua	CdS
196- Canxi sunfat	$CaSO_4$
197- Chì II sunfat	$PbSO_4$
198- Coban II oxit	CoO
199- Kali cacbonat	K_2CO_3
200- Kali clorua	KCl
201- Kali cromat	K_2CrO_4
202- Kali dihydro photphat	KH_2PO_4
203- Kali hydroxit	KOH
204- Kali iodat	KIO_3
205- Kali pemanganat	$KMnO_4$
206- Kẽm cacbonat	$ZnCO_3$
207- Kẽm nitrat	$Zn(NO_3)_2$
208- Liti hydroxit	$LiOH$
209- Magiê nitrat ngậm 6 phân tử nước	$Mg(NO_3)_2.6H_2O$
210- Muội axetylen (Noir axetylen)	C
211- Natri dihydro photphat ngậm 2 phân tử nước	$NaH_2PO_4.2H_2O$
212- Natri hyposunfit	$Na_2S_2O_4$
213- Natri nitrit	$NaNO_2$
214- Natri photphat	Na_3PO_4
215- Natri pyrosunfit	$Na_2S_2O_5$
216- Natri tetraborat ngậm 10 phân tử nước	$Na_2B_4O_7.10H_2O$
217- Nhôm amoni sunfat ngậm nước (Nhôm amon sunfat ngậm nước)	$Al_2(SO_4)_3.(NH_4)_2SO_4.nH_2O$
218- Niken clorua	$NiCl_2$
219- Niken sunfat ngậm 7 phân tử nước	$NiSO_4.7H_2O$
220- Poly alumin clorua (PAC)	$[Al_n(OH)_mCl_{3n-m}.xH_2O]$

www.LuatVietnam.vn

	Hóa chất Hữu cơ kỹ thuật và tinh khiết	
222-	Anhydrit phtalic (AP)	$C_6H_4(CO)_2O$
223-	Axit citric	$C_3H_4(OH)(COOH)_3$
224-	Axit béo tổng hợp từ dầu mỏ	C_{17-21} (dùng làm thuốc tuyển quặng trong công nghiệp tuyển khoáng)
225-	Axit glutamic	$C_3H_5NH_2(COOH)_2$
226-	Axit oleic	$C_{17}H_{33}COOH$
227-	Axit oxalic	HOOC-COOH
228-	Butyl acetat	$CH_3COO(CH_2)_3CH_3$
229-	Chì II acetat ngậm 3 phân tử nước	$Pb(CH_3COO)_2.3H_2O$
230-	Etyl benzen	$C_2H_5C_6H_5$
231-	Kali acetat	CH_3COOK
232-	Kali natri tartrat	$KNaC_4H_4O_6.4H_2O$
233-	Linear alkylbenzene (LAB)	
234-	Linear alkylbenzene sunfonate (LAS)	
235-	Naphtalen	$C_{10}H_8$
236-	Naphtol	$C_{10}H_7OH$
237-	Natri salixilat	$C_7H_5O_3Na$
238-	Trinatri citrat	$Na_3C_6H_5O_7.5,5H_2O$
239-	Vinyl clorua monome (VCM)	$CH_2=CH-Cl$

www.LuatVietnam.vn